

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-PT

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín
dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sơn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh và ông Nguyễn Hoàng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đôn Minh Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2021/TLPT-DS ngày 07 tháng 01
năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án số 09/2021/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Tòa án
nhân dân huyện A bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2022/QĐ-PT ngày
15 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ: Số 89 A, phường A, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí C - Chức vụ: Chủ tịch Hội
đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn D - Chức vụ: Phó Giám
đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân (Văn bản ủy quyền số
03/2020/UQ-HĐQT ngày 02/3/2020); Địa chỉ: VP Bank AMC, tầng L2B, tòa
nhà R, Đ, số 72 E, quận Ê, thành phố Hà Nội.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Anh G - Chuyên viên xử lý nợ
Ngân hàng A (Văn bản ủy quyền lại số 55/2020/UQ-VPB ngày 01/8/2020); Địa
chỉ: A AMC, tầng 7 tòa nhà Tài chính G số 8, đường H, thành phố Vĩnh Yên,
tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Lê Văn I, sinh năm 1991 (Đã chết).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của anh Lê Văn I: Bà Nguyễn Thị K,
sinh năm 1953; Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

Người được ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ánh, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn Nội, xã M, huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc (văn bản ủy quyền ngày 06/12/2021) (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm O; Địa chỉ: Tầng 21-22 Tòa nhà MIPEC, 229 N, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Hải O - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc Ô - Cán bộ Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm O (Vắng mặt) và ông Bùi Phi P – Cán bộ Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm O (Theo văn bản ủy quyền số 625/GUQ-TGD ngày 11/11/2021) (Có mặt).

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị K.

Kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng A (viết tắt là Ngân hàng) cấp tín dụng cho anh Lê Văn I thể hiện ở các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng (HĐTD) số LN 1808300898668 ngày 31/8/2018, số tiền là 350.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, mục đích vay tiêu dùng; lãi suất tại thời điểm vay là 9,8%/năm, kỳ hạn điều chỉnh 03 tháng/1 lần vào ngày 01/01, 01/4, 01/7, 01/10 hàng năm, cố định trong 06 tháng đầu tiên; Kỳ điều chỉnh đầu tiên ngày 28/02/2019, kỳ điều chỉnh tiếp theo ngày 01/4/2019; Biên độ điều chỉnh 4,4%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Phạt chậm trả lãi: Khoản nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu tiền phạt chậm trả lãi tính trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả với mức lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm quá hạn, bắt đầu tính từ thời điểm quá hạn cho đến khi bên vay thanh toán hết nợ lãi quá hạn, mức tối đa không quá 10%/năm.

- Hợp đồng thế tín dụng (HĐTTD) số 281-P- 9935933, mở thẻ ngày 04/9/2018, số tiền là 5.000.000 đồng; thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày kích hoạt thẻ; mục đích vay tiêu dùng; Kỳ hạn trả nợ, lãi suất theo quy định sản phẩm cho vay thẻ tín dụng tiêu dùng A. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay trên anh Lê Văn I đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (HĐTCQSDĐ) số LN 1808300898668 ngày 31/8/2018 và Thỏa thuận ngày 31/8/2018. Tài sản thế chấp là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 683, tờ bản đồ số 14, diện tích 333,7m²,

địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã M, huyện A, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CN 958239, số vào sổ cấp GCNQSDĐ CS 01310 do Sở tài nguyên Môi trường (TNMT) tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31/7/2018 đứng tên anh Lê Văn I.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Lê Văn I trả được cho Ngân hàng đối với HĐTD trả nợ gốc 2.915.068 đồng, trả nợ lãi và phạt chậm trả: 3.776.535 đồng. Tổng cộng là 6.681.603 đồng, sau đó anh I không trả thêm được bất cứ khoản tiền nào khác cho Ngân hàng. Đối với HĐTTD anh I đã trả được 18.472 đồng tiền lãi. Do anh I vi phạm kỳ hạn trả nợ nên theo thỏa thuận trong các hợp đồng Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ của anh I sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 26/11/2021 anh Lê Văn I còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 578.099.498 đồng. (Trong đó nợ của HĐTD số LN 1808300898668 ngày 31/8/2018 là 557.506.605 đồng và số tiền nợ của HĐTTD số 281-P- 9935933, nhận nợ ngày 04/9/2018 là 20.592.893 đồng). Ngày 19/8/2018, anh Lê Văn I chết, nên Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị K (là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của anh I) phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 578.099.498 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc từ ngày 27/11/2021 theo HĐTD số LN 1808300898668 ngày 31/8/2018 và HĐTTD số 281-P-9935933, nhận nợ ngày 04/9/2018 cho đến khi bà K thanh toán toàn bộ khoản vay; nghĩa vụ trả tiền trong phạm vi giá trị di sản là tài sản do anh Lê Văn I đã thế chấp tại Ngân hàng. Trường hợp người thừa kế của anh I không trả hết nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với việc anh Lê Văn I mua bảo hiểm cho khoản vay 350.000.000 đồng theo HĐTD số LN 1808300898668 ngày 31/8/2018: Ngân hàng và Công ty cổ phần Bảo hiểm Ô hợp tác trên cơ sở Hợp đồng đại lý số 03/ĐLBH/MG/2015 ngày 12/6/2015 theo đó Ngân hàng sẽ thực hiện việc chào bán, giới thiệu các sản phẩm bảo hiểm của PJICO và thực hiện thu phí bảo hiểm của khách hàng cho PJICO. Anh Lê Văn I đã mua bảo hiểm cho khoản vay trên, thể hiện tại Giấy yêu cầu bảo hiểm sinh mạng cho người vay, Ủy nhiệm chi và Thông báo xác nhận bảo hiểm. Sau khi xảy ra sự việc anh I chết, người nhà của anh I đã đến Ngân hàng cung cấp Giấy ra viện của anh I và Bản tường trình diễn biến sự việc anh I tử vong. Ngân hàng đã gửi hồ sơ tài liệu đến Bảo hiểm PJICO để được xem xét theo quy định và nhận được thông báo ghi ngày 04/01/2019 của PJICO Phú Thọ với nội dung từ chối bồi thường bảo hiểm đối với trường hợp của anh I. Do vậy Ngân hàng chỉ khởi kiện liên quan đến HĐTD, HĐTTD anh I vay vốn tại Ngân hàng.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của anh Lê Văn I là bà Nguyễn Thị K trình bày: Bà Nguyễn Thị K (là mẹ đẻ của anh I), anh I chết ngày 19/9/2018, nguyên nhân chết do viêm cơ tim. Trước khi chết anh I không có vợ, con, không

có bố mẹ nuôi. Chồng bà là Lê Văn Tiếp (bố anh I) chết năm 2016, bà là hàng thừa kế thứ nhất và duy nhất của anh I, ngoài bà là hàng thừa kế thứ nhất thì không có ai khác. Sau khi anh I chết, Ngân hàng mời bà đến làm việc thì bà được biết anh I vay tiền của Ngân hàng, kèm theo Hợp đồng vay là Thông báo xác nhận bảo hiểm rủi ro. Bà đã yêu cầu Ngân hàng trả lời bà bằng văn bản về quyền lợi bảo hiểm rủi ro của anh I nhưng Ngân hàng chưa trả lời. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà là người thừa kế của anh I phải trả nợ số tiền gốc, lãi, phạt chậm trả anh I vay theo các HĐTD đã ký kết, trường hợp không trả được nợ thì đề nghị phát mại tài sản thế chấp của anh I là thửa đất số 683, tờ bản đồ số 14, diện tích 333,7m², địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã M, huyện A, theo GCNQSDĐ số CN 958239 do Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31/7/2018 đứng tên Lê Văn I. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng bà không có ý kiến gì. Tuy nhiên khi anh I vay vốn Ngân hàng có ký với Ngân hàng hợp đồng bảo hiểm cho số tiền vay là 350.000.000 đồng của HĐTD số LN 1808300898668 ngày 31/8/2018; do vậy, bà đề nghị Ngân hàng giải quyết quyền lợi bảo hiểm số tiền vay của anh I và trả lại GCNQSDĐ đứng tên anh Lê Văn I cho bà. Sau khi Ngân hàng giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho anh I thì bà sẽ trả cho Ngân hàng toàn bộ các khoản vay của anh I theo như các hợp đồng anh I đã ký với Ngân hàng.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm O, ông Bùi Phi P trình bày: Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm O (viết tắt là PJICO) và Ngân hàng hợp tác trên cơ sở Hợp đồng đại lý số 03/ĐLBH/MG/2015 ngày 12/6/2015 theo đó Ngân hàng sẽ thực hiện việc chào bán, giới thiệu các sản phẩm bảo hiểm của PJICO và thực hiện thu phí bảo hiểm của khách hàng cho PJICO. Bị đơn tham gia bảo hiểm sinh mạng cho người vay tại PJICO qua đại lý Ngân hàng chi nhánh Vĩnh Phúc theo giấy chứng nhận bảo hiểm số P18/PTH/PHH/6302/100631 do PJICO Phú Thọ cấp ngày 31/8/2018. Thời hạn bảo hiểm từ ngày 31/8/2018 đến ngày 31/8/2019, số tiền bảo hiểm là 350.000.000 đồng (tương ứng với khoản vay tại Ngân hàng), theo quy tắc bảo hiểm ban hành kèm theo Quyết định số 174/2011/QĐ-PJICO ngày 08/3/2011 của Tổng giám đốc PJICO. Ngày 09/10/2018, PJICO tiếp nhận thông báo của Ngân hàng về sự việc bị đơn chết, tiếp đó, ngày 16/10/2018 PJICO tiếp tục nhận được từ phía Ngân hàng giấy tờ bổ sung là bản tường trình của người nhà bị đơn về nguyên nhân bị đơn chết. Ngày 04/01/2019 PJICO Phú Thọ đã gửi văn bản cho gia đình bị đơn và người thụ hưởng là Ngân hàng với nội dung: “*người được bảo hiểm tử vong do đang trong thời gian chờ... PJICO trân trọng thông báo về việc từ chối bồi thường bảo hiểm đối với trường hợp của anh I*”. Thời gian chờ trong bảo hiểm là khoảng thời gian tính từ lúc ký kết hợp đồng cho đến khi người tham gia bảo hiểm được quyền nhận quyền lợi bảo hiểm khi phát sinh sự kiện bảo hiểm. Quy định về thời gian chờ trong bảo hiểm nhằm

ràng buộc trách nhiệm của người tham gia bảo hiểm với Công ty bảo hiểm, với sức khỏe của chính mình nhằm hạn chế các trường hợp trục lợi bảo hiểm, biết trước sự kiện bảo hiểm xảy ra và mua bảo hiểm để được hưởng lợi. Căn cứ vào Điều 6.2 Quy tắc bảo hiểm sinh mạng người vay tín chấp của PJICO: “Đối với rủi ro ốm đau, bệnh tật, thai sản thì HĐBH chỉ phát sinh hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm đầy đủ theo thỏa thuận”. Điều 1.3.4.2 Phụ lục 08 Hợp đồng đại lý số 03/ĐLBH/MG/2015 giữa PJICO và Ngân hàng cũng quy định rõ: “Đối với rủi ro do ốm đau, bệnh tật, hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực sau 60 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm; đối với rủi ro tử vong do bệnh đặc biệt, bệnh có sẵn, Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực sau 9 tháng kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm”. Từ thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm đến thời điểm bị đơn chết là 20 ngày. Đối chiếu với các quy định tại quy tắc bảo hiểm PJICO, Hợp đồng đại lý số 03 và Thông báo xác nhận bảo hiểm thì trường hợp của bị đơn chưa hết thời gian chờ, chưa đủ thời gian để hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Do vậy Hợp đồng bảo hiểm giữa PJICO và bị đơn chưa phát sinh hiệu lực bảo hiểm. PJICO không có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm cho khách hàng trong trường hợp này. Do đó công văn từ chối bồi thường của PJICO gửi cho khách hàng và người thụ hưởng là phù hợp với quy tắc bảo hiểm và quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2021/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện A quyết định:

Áp dụng Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 280, 299, 317, 318, 319, 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 147, 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A. Buộc bà Nguyễn Thị K phải thực hiện nghĩa vụ do anh Lê Văn I chết để lại là trả cho Ngân hàng A tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 578.099.498 đồng. (Trong đó nợ của HĐTD số LN 1808300898668 ngày 31/8/2018 là 557.506.605 đồng và số tiền nợ của HĐTTD số 281-P- 9935933, nhận nợ ngày 04/9/2018 là 20.592.893 đồng). Bà Nguyễn Thị K phải trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 27/11/2021 theo HĐTD số LN 1808300898668 ngày 31/8/2018 và HĐTTD số 281-P- 9935933, nhận nợ ngày 04/9/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Nghĩa vụ trả tiền được xác định trong phạm vi giá trị di sản là tài sản do anh Lê Văn I đã thế chấp khi thi hành án.

Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị K GCNQSDĐ số CN 958239 do Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31/7/2018 đứng tên Lê Văn I khi bà Nguyễn Thị K thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị K không thanh toán được toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp theo HĐTCQSDĐ số LN 1808300898668 ngày 31/8/2018 và Thỏa thuận ngày 31/8/2018 là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 683, tờ bản đồ số 14, diện tích 333,7m², địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã M, huyện A theo GCNQSDĐ số CN 958239 do Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31/7/2018 đứng tên Lê Văn I để thu hồi nợ. Số tiền phát mại tài sản được xử lý như sau:

Trường hợp số tiền bán tài sản thế chấp thu được lớn hơn số tiền nợ phải trả thì số tiền còn lại được trả cho người thừa kế của anh Lê Văn I. Trường hợp số tiền bán tài sản thế chấp thu được nhỏ hơn số tiền nợ phải trả thì người thừa kế nghĩa vụ chỉ phải trả trong phạm vi số tiền bán tài sản thế chấp thu được.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/12/2021, bà Nguyễn Thị K là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của anh I có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc hủy bản án sơ thẩm vì có vi phạm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

Tại Quyết định số 05/QĐ-VKS-DS ngày 20/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã kháng nghị phúc thẩm bản án sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện A đề nghị hủy bản án do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng để giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị K vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật. Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 26 /11/2021 của Tòa án nhân dân huyện A có một số vi phạm. Cụ thể đó là: Vi phạm nghiêm trọng về tố tụng khi xác định bị đơn của vụ án là cá nhân đã chết; Vi phạm trong việc thụ lý và giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quyết định Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và kháng cáo của bà Nguyễn Thị K trong hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét, giải quyết.

[2] Về nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

2.1. Vi phạm nghiêm trọng về tố tụng khi xác định bị đơn của vụ án là cá nhân tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án đã chết: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện đơn khởi kiện của Ngân hàng đề ngày 01/12/2020 xác định người bị kiện là anh Lê Văn I, sinh năm 1991, có đăng ký hộ khẩu thường trú thôn L, xã M, huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc. Trong nội dung đơn Ngân hàng xác định anh I vi phạm nghĩa vụ trả nợ, khởi kiện yêu cầu anh I phải thanh toán toàn bộ tiền gốc, tiền nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh theo HĐTD tổng số tiền 454.915.816 đồng; yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong HĐTD và nếu anh I không thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng có quyền kê biên, phát mại tài sản anh I đã thế chấp. Tại thời điểm Ngân hàng đưa ra yêu cầu khởi kiện anh Lê Văn I thì Ngân hàng đã biết rõ anh Lê Văn I chết từ 19/9/2018 nên sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không thể giao được Thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là anh Lê Văn I.

Ngày 05/5/2021, Tòa án làm việc với đại diện Ngân hàng thì được cung cấp tài liệu thể hiện anh Lê Văn I đã chết và Ngân hàng có đề nghị Tòa án đưa bà Nguyễn Thị K (mẹ đẻ anh I) vào tham gia tố tụng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh I. Ngân hàng vẫn xác định anh Lê Văn I là bị đơn và bà Nguyễn Thị K là người có nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng đối với khoản nợ của anh I trong phạm vi giá trị di sản của anh I đã thế chấp.

Ngày 15/6/2021, Tòa án đã xác minh tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện A nơi anh I cư trú và được địa phương cung cấp anh Lê Văn I đã chết từ ngày 19/9/2018 do bệnh hiểm nghèo, anh I chưa có vợ, con; bố anh I đã chết năm 2016; còn bà Nguyễn Thị K (mẹ anh I) là người thừa kế duy nhất tài sản của anh I để lại.

Căn cứ vào đơn đề nghị, các tài liệu do Ngân hàng cung cấp và xác minh tại địa phương nơi anh I cư trú Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Thông báo bổ sung bà Nguyễn Thị K tham gia tố tụng với tư cách là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn anh I.

Như vậy: Tại thời điểm Ngân hàng khởi kiện đã hoàn toàn biết rõ anh Lê Văn I đã chết nhưng vẫn khởi kiện anh I với tư cách là bị đơn; Sau đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác minh và biết được anh I đã chết trước thời điểm Ngân hàng khởi kiện nhưng vẫn xác định anh Lê Văn I là bị đơn trong vụ án là không đúng, vì anh I đã chết nên không còn năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo quy định tại khoản 1, khoản

3 Điều 16; Điều 19 Bộ luật Dân sự năm 2015; Anh Lê Văn I không có năng lực pháp luật tố tụng dân sự, năng lực hành vi tố tụng dân sự để tham gia vào quá trình tố tụng giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 69 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các quy định viện dẫn trên thì anh Lê Văn I không còn tư cách chủ thể để thực hiện nghĩa vụ trả nợ hay tham gia tố tụng trong vụ án nữa nên Tòa án xác định anh Lê Văn I là bị đơn không đúng quy định của pháp luật.

2.2. Vi phạm trong việc thụ lý và giải quyết vụ án.

Thứ nhất, Tòa án nhân dân huyện A thụ lý vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn là Ngân hàng với bị đơn là anh Lê Văn I nhưng Bản án lại quyết định: “Buộc bà Nguyễn Thị K phải thực hiện nghĩa vụ do anh Lê Văn I chết để lại là trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử là 578.099.498 đồng” là không đúng vì anh Lê Văn I chết trước khi Tòa án thụ lý vụ án. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án không xác định lại quan hệ tranh chấp, xác định lại tư cách tố tụng của các đương sự, trường hợp khi khởi kiện anh I còn sống và trong quá trình giải quyết vụ án anh I mới chết thì việc đưa bổ sung bà K vào tham gia tố tụng với tư cách là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn là đúng.

Tuy nhiên, anh Lê Văn I đã chết trước khi Ngân hàng khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án và 02 HĐTD giữa Ngân hàng với anh Lê Văn I chỉ có cá nhân anh I đứng ra ký kết vay, trả nợ, không chỉ định người thừa kế nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng. Khi anh I chết thì phát sinh việc thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm phải yêu cầu Ngân hàng xác định lại quan hệ tranh chấp, xác định lại tư cách tố tụng của đương sự và đưa bà Nguyễn Thị K vào tham gia tố tụng với tư cách bị đơn trong vụ án yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại, để bà Nguyễn Thị K được thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của bị đơn mới đúng quy định của pháp luật. Trường hợp Ngân hàng không thay đổi yêu cầu khởi kiện thì Tòa án cần đình chỉ việc giải quyết vụ án vì anh Lê Văn I đã chết mà bà Nguyễn Thị K không phải là chủ thể đối với tranh chấp về hợp đồng tín dụng mà Ngân hàng đang khởi kiện.

Thứ hai, Tòa án nhân dân huyện A chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng buộc bà Nguyễn Thị K phải thanh toán các khoản tiền lãi của 02 HĐTD phát sinh sau thời điểm anh Lê Văn I chết (19/9/2018) với tổng số 226.064.628 đồng tiền lãi là không đúng quy định của pháp luật; vì: 02 HĐTD xác lập giữa Ngân hàng với anh Lê Văn I là hợp đồng vay tài sản chỉ có cá nhân anh I vay, trả nợ và không chỉ định người thừa kế nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng. Do vậy, khi anh Lê Văn I chết ngày 19/9/2018, là hợp đồng chấm dứt theo quy định tại khoản 3 Điều 422 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khi hợp đồng dân sự chấm dứt không còn hiệu lực thi hành thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia ký kết hợp đồng, do vậy Ngân hàng chỉ có quyền đòi khoản nợ gốc và tiền lãi kể từ thời điểm anh Lê Văn I vay (ngày 31/8/2018) đến ngày anh I chết (19/9/2018). Bà Nguyễn Thị K là người được hưởng thừa kế di sản của anh Lê Văn I để lại, không phải là người phải tiếp tục thực hiện HĐTD với Ngân hàng nên bà K chỉ có nghĩa vụ thực hiện khoản nợ của anh I đối với Ngân hàng khi hợp đồng chấm dứt. Việc Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tính các khoản tiền lãi của anh Lê Văn I như đối với người đang còn sống và buộc bà Nguyễn Thị K phải trả thay anh Lê Văn I cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận trong các HĐTD do anh I ký kết là không đúng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bà Nguyễn Thị K.

Thứ ba, khi giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị K thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại nhưng không áp dụng đầy đủ các quy định của Bộ luật dân sự để xác định nghĩa vụ của người thừa kế là thiếu sót.

Toàn bộ những vi phạm, thiếu sót trên của Tòa án cấp sơ thẩm đã ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được. Do vậy kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục chung là có căn cứ, được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Về kháng cáo của bà Nguyễn Thị K; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Do bản án sơ thẩm đã có vi phạm, thiếu sót làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được nên phải hủy để xét xử lại. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị K, quyền lợi ích của bà K và các đương sự trong vụ án được xem xét, giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị K không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2021/DS-ST ngày 20/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện A. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả bà Nguyễn Thị K số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu số 0002837 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc
- TAND huyện A;
- THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Sơn